

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC**  
**NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CĂNG CÁT LẠI**

## MỤC LỤC

Trang

1. Mục lục 1

2. Báo cáo của Ban Giám đốc 2 - 4

3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ 5 - 6

4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 7 - 10

5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 11

6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 12 - 13

7. Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 14 - 42

\*\*\*\*\*

**BẢO CẢO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cát Lại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Công ty” hoặc “nhóm Công ty”).

**Khai quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lại hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305168938 ngày 27 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 10 lần cấp bổ sung giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi địa chỉ Công ty, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại : 0283 7 423 499 – 0283 7 423 501 – 0283 7 423 502

- Fax : 0283 7 423 500

- Email : info@catlaimport.com.vn

- Website : www.catlaimport.com.vn

**Hoạt động kinh doanh của Công ty là:**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ về sinh tàu biển, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ logistics, hoạt động giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh khai thác cảng biển;
- Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; dịch vụ bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hỏa long khí để vận chuyển)/.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phương Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Thành Khoa	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Chí Đăng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Hiếu Đạo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Châu Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Huỳnh Mai	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018



**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Thanh Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Xuân Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Phước Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

**Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Chí Bằng	Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Hữu Đào	Phó Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Việt Trường	Kê toán trưởng	Ngày 29 tháng 11 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Chí Bằng – Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của nhóm Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phân ảnh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trong yêu cầu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trong yêu cầu gian lận hoặc nhằm lần trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.





**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại chính hợp nhất của nhóm Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Lê Chí Bằng**

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

5-002  
IÁNH  
TY  
H  
VA TI  
C  
HAN  
A-T

## BẢO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (gọi chung là “Công ty” hoặc “nhóm Công ty”), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2021, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc nhóm Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chú ý vào là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG

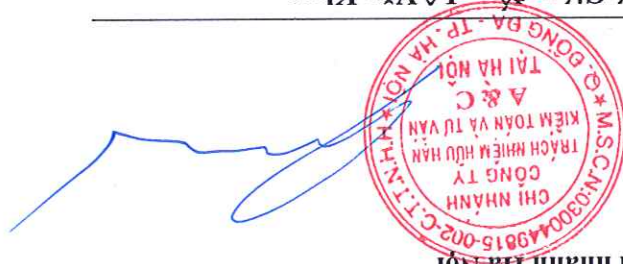


**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ định kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái và công ty con tài ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Phó Giám đốc - Lê Văn Khoa**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2021





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã	Số	Số	Số
		Thuyết	minh	cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>					
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	110	205.570.203.631	174.579.078.394
1.	Tiền		111	148.089.659.439	97.328.945.103
2.	Các khoản tương đương tiền		112	57.480.544.192	77.250.133.291
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>					
1.	Chương khoản kinh doanh		121	-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	123	46.206.575.342	75.700.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>					
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	131	72.608.096.229	32.809.866.929
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	132	5.845.954.383	594.711.143
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn		133	-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134	-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	136	4.490.151.212	7.126.859.100
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	(938.189.905)	(926.377.980)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	V.6	137	-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>					
1.	Hàng tồn kho	V.7	141	1.055.347.125	1.071.137.444
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>					
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	151	855.194.579	747.918.483
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	1.249.616.007	3.156.848.417
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	153	499.264	2.209.142.514
4.	Giao dịch mua bán lại tài sản Chính phủ		154	-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác		155	-	-
<b>TOTAL</b>				<b>2.105.309.850</b>	<b>6.113.909.414</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lai, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã	Số	Số	Số
		Thuyết	minh	cuối kỳ	dầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>					
I.	Các khoản phải thu dài hạn		210	178.323.000	178.323.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng		211	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn		212	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213	-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn		214	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn		215	-	-
6.	Phải thu dài hạn khác		216	178.323.000	178.323.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219	-	-
II.	Tài sản cố định		220	281.785.566,632	306.690.436,436
1.	Tài sản cố định hữu hình	V.9	221	201.207,641,325	225.294,237,087
			222	630.342,364,309	630.342,364,309
			223	(429.134,722,984)	(405.048,127,222)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính		224	-	-
			225	-	-
			226	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	V.10	227	80,577,925,307	81,396,199,349
			228	101,601,504,441	101,601,504,441
			229	(21,023,579,134)	(20,205,305,092)
III.	Bất động sản đầu tư		230	-	-
			231	-	-
			232	-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn		240	866,508,978	300,832,727
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241	-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	242	866,508,978	300,832,727
V.	Dầu tư tài chính dài hạn		250	87,984,794,081	85,528,535,503
1.	Dầu tư vào công ty con		251	-	-
2.	Dầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2b	252	85,726,194,081	83,269,935,503
3.	Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	253	2,258,600,000	2,258,600,000
4.	Dự phòng dầu tư tài chính dài hạn		254	-	-
5.	Dầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạn		255	-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác		260	9,215,955,494	15,888,356,435
1.	Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	261	9,215,955,494	15,888,356,435
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262	-	-
3.	Thiệt bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263	-	-
4.	Tài sản dài hạn khác		268	-	-
5.	Lợi thế thương mại		269	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>270</b>	<b>716,974,596,052</b>	<b>705,655,668,545</b>

315  
 NH  
 CÔNG  
 NH  
 TÀI  
 TOÀN  
 V.8E



**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN

Mã Thu yết số minh

Số cuối kỳ

Số đầu năm

**C - NỢ PHẢI TRẢ**

300	108.247.118.969	58.556.604.540	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>107.630.662.012</b>	<b>57.221.552.568</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11.432.061.232	29.794.834.903
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7.906.671.560	4.680.891.321
4. Phải trả người lao động	314	1.900.732.063	5.009.722.955
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.203.977.569	1.197.210.513
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	82.634.410.433	8.743.381.694
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	786.000.000	2.106.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.766.809.155	5.689.511.182
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>616.456.957</b>	<b>1.335.051.972</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	616.456.957	1.335.051.972
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

(Đơn vị tính: VND)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND  
Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Mã Thuyết số minh Năm nay Năm trước

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 01 VI.1 135.888.915.307 160.138.989.190

2. Các khoản giảm trừ doanh thu 02 - -

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 10 135.888.915.307 160.138.989.190

4. Giá vốn hàng bán 11 VI.2 80.845.419.372 97.478.543.529

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ 20 55.043.495.935 62.660.445.661

6. Doanh thu hoạt động tài chính 21 VI.3 3.370.016.035 5.544.940.580

7. Chi phí tài chính 22 VI.4 52.866.271 642.692.344

Trong đó: chi phí lãi vay 23 52.444.336 642.692.344

8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết 24 V.2a 2.456.258.578 2.698.554.142

9. Chi phí bán hàng 25 - -

10. Chi phí quản lý doanh nghiệp 26 VI.5 9.571.362.343 8.947.578.575

11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 51.245.541.934 61.313.669.464

12. Thu nhập khác 31 1 - -

13. Chi phí khác 32 - - -

14. Lợi nhuận khác 40 1 - -

15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 50 51.245.541.935 61.313.669.464

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 51 V.13 10.283.581.518 11.784.573.064

17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 52 - -

18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 60 40.961.960.417 49.529.096.400

19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ 61 42.037.445.779 48.324.666.836

20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát 62 (1.075.485.362) 1.204.429.564

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 70 VI.6 1.097 1.350

22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu 71 VI.6 1.097 1.350

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Giám đốc



Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Trường



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 BẢO CẢO TẠI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢO CẢO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Đơn vị tính: VND)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHI TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
----------	-------------------	---------	-----------

**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**

1. Lợi nhuận trước thuế 01 51.245.541.935 61.313.669.464

2. Điều chỉnh cho các khoản:

- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư 02 VI.9 24.904.869.804 24.281.544.344

- Các khoản dự phòng 03 V.6 11.811.925 39.294.720

- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại 04 258.042 1.979.712

- các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ 05 VI.3 (3.370.016.035) (5.487.233.240)

- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư 06 VI.4 52.444.336 642.692.344

- Các khoản điều chỉnh khác 07 - -

**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn đầu tư**

08 72.844.910.007 80.791.947.344

- Tăng, giảm các khoản phải thu 09 (41.622.152.756) 14.456.778.613

- Tăng, giảm hàng tồn kho 10 15.790.319 (143.319.807)

- Tăng, giảm các khoản phải trả 11 (28.382.665.070) (8.856.569.817)

- Tăng, giảm chi phí trả trước 12 6.565.124.845 6.683.650.756

- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh 13 - -

- Tiền lãi vay đã trả 14 (52.444.336) (642.692.344)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp 15 V.13 (5.284.052.370) (9.251.839.931)

- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh 16 V.17 2.240.000

- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh 17 V.17 (7.176.249.366) (5.165.331.047)

**II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**

**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và

21 (565.676.251) (198.418.182)

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và

22 - -

3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của

23 (46.206.575.342) (114.000.000.000)

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của

24 75.700.000.000 129.000.000.000

5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

25 - -

6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

26 - -

7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

27 6.695.279.799 6.625.720.352

**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**

30 35.623.028.206 21.427.302.170





**BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Căng Cát Lại (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ đại lý đặt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tài cấu trúc nhóm Công ty

Trong kỳ, Nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tài công ty con.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chi đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Căng Cát Lại có trụ sở chính tại 938/180 Đường Nguyễn Thị Định, phường Thành Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty chi đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quốc Vĩ có trụ sở chính tại thôn Kiêu Lương, xã Đức Long, huyện Quốc Vĩ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 105 nhân viên đang làm việc trong nhóm Công ty (số đầu năm là 89 nhân viên).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CANG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**II. NẶM TẠI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **NẶm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

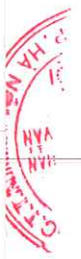
1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho Công ty mẹ và Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện khác với chính sách kế toán của Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trực tiếp cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.





Sở dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ do không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được năm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thực phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**3. Các giao dịch băng ngoài tế**

Các giao dịch phát sinh băng ngoài tế được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tế có gốc ngoài tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch băng ngoài tế được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tế có gốc ngoài tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh băng ngoài tế là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch băng ngoài tế được xác định như sau:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoài tế của ngân hàng nơi nhóm Công ty mẹ tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoài tế của ngân hàng thương mại nơi nhóm Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoài tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tế có gốc ngoài tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoài tế gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoài tế của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoài tế.
- Đối với các khoản mục tiền tế có gốc ngoài tế được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoài tế của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thương xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tế có gốc ngoài tế được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoài tế của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thương xuyên có giao dịch).

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.





**5. Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạm***

Kh khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đảo hạm khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đảo hạm. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạm bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bất buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đảo hạm với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạm khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạm sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công cụ vốn tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tìm cây, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phân ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phân ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa qua hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí bảo hiểm phung tiền. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí bảo hiểm phung tiền**

Chi phí bảo hiểm phung tiền được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian trên hợp đồng bảo hiểm.

Đ  
ÁI  
A  
OÀI  
NH  
NH  
NH



**8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình đưa vào trang thái sản sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh nếu chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phong tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình đưa vào trang thái sản sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

**Chương trình phần mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



**11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả ngắn hạn và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đi hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**12. Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá trị phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của tài sản chuyển đổi khi đảo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tài sản phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ năm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.





- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức được chia**

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**15. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản cố định dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích trước hoặc bản chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoài từ hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn đối ứng thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất

**16. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng đối chiếu chênh lệch phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt	Số cuối kỳ	Số đầu năm
147.815.481.207	274.178.232	226.459.723
Tiền gửi ngân hàng		
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	57.480.544.192	77.250.133.291
<b>Cộng</b>	<b>205.570.203.631</b>	<b>174.579.078.394</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

**2b. Đầu tư vào công ty liên kết**

Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
78.225.400.000	7.500.794.081	5.044.535.503
Giá gốc		
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	83.269.935.503	83.269.935.503
<b>Cộng</b>	<b>83.269.935.503</b>	<b>83.269.935.503</b>

Giá trị phần sở hữu của nhóm Công ty tài công ty liên kết như sau:  
Số đầu năm  
Phần lãi hoặc lỗ  
Số cuối kỳ

Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
78.451.270.438	83.269.935.503	2.698.554.142
81.149.824.580	85.726.194.081	81.149.824.580

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lai, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
Gia gốc	Gia gốc
Dự phòng	Dự phòng
2.258.600.000	2.258.600.000
-	-

Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nhóm Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

**Gia trị hợp lý**

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
70.072.340.348	29.406.211.422
69.924.760.348	29.309.411.422
19.430.000	-
128.150.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lai	-
Công ty Cổ phần Văn tải Thủy Tân Cảng	96.800.000
Phải thu các khách hàng khác	3.403.655.507
2.535.755.881	883.504.365
Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	2.520.151.142
Các khách hàng khác	32.809.866.929

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.845.954.383	73.711.143
4.687.233.543	73.711.143
677.720.840	521.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	286.000.000
Các nhà cung cấp khác	235.000.000

Công





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Dự phòng	Gia gốc	Dự phòng	Gia gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	268.947.125	-	284.737.444	-
Công cụ, dụng cụ	-	786.400.000	-	786.400.000	-
Công	-	1.055.347.125	-	1.071.137.444	-
8. Chi phí trả trước					
8a. Chi phí trả trước ngắn hạn					
Chi phí bảo hiểm	446.346.910		371.873.907	341.075.087	
Chi phí công cụ, dụng cụ	371.873.907		-	-	
Phí sử dụng đường bộ	-		36.973.762	402.116.040	
Các chi phí khác	36.973.762		4.727.356	747.918.483	
Công	855.194.579		747.918.483		
8b. Chi phí trả trước dài hạn					
Chi phí công cụ dụng cụ	2.751.376.688		2.959.198.817		
Chi phí sửa chữa bãi giải đoạn 2 (*)	6.464.578.806		12.929.157.618		
Công	9.215.955.494		15.888.356.435		
(*) Là chi phí sửa chữa bãi sau cầu tàu B7 cảng Cát Lái giai đoạn 2. Chi phí này được phân bổ 18 tháng kể từ tháng 7 năm 2020.					



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	179.320.238.761	358.931.751.426	92.034.973.577	55.400.545	630.342.364.309
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<b>179.320.238.761</b>	<b>358.931.751.426</b>	<b>92.034.973.577</b>	<b>55.400.545</b>	<b>630.342.364.309</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	45.971.885.800	7.077.282.021	867.000.000	55.400.545	53.971.568.366
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	97.936.377.354	266.592.061.916	40.464.287.407	55.400.545	405.048.127.222
Khấu hao trong kỳ	3.234.533.868	15.665.689.224	5.186.372.670	-	24.086.595.762
Số cuối kỳ	<b>101.170.911.222</b>	<b>282.257.751.140</b>	<b>45.650.660.077</b>	<b>55.400.545</b>	<b>429.134.722.984</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	81.383.861.407	92.339.689.510	51.570.686.170	-	225.294.237.087
Số cuối kỳ	<b>78.149.327.539</b>	<b>76.674.000.286</b>	<b>46.384.313.500</b>	<b>-</b>	<b>201.207.641.325</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.854.166.688 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá	Số đầu năm	Mua trong kỳ	Số cuối kỳ
79.232.404.441	101.601.504.441	-	79.232.404.441
339.500.000	101.601.504.441	-	101.601.504.441
-	-	-	-
79.232.404.441	101.601.504.441	-	79.232.404.441

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	Số đầu năm	Khấu hao trong kỳ	Số cuối kỳ
-	19.940.155.097	792.324.042	20.732.479.139
-	265.149.995	25.950.000	291.099.995
-	20.205.305.092	818.274.042	21.023.579.134

Giá trị hao mòn	Số đầu năm	Khấu hao trong kỳ	Số cuối kỳ
81.321.849.344	74.350.005	81.396.199.349	155.746.454
80.529.525.302	48.400.005	80.577.925.307	128.976.927

*Trong đó:*

Tạm thời không sử dụng	Đang chờ thanh lý
-	-
-	-

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là dự án xây dựng trụ sở văn phòng Công ty.

Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
300.832.727	565.676.251	866.508.978

19/11/2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
8.344.377,684	17.972.142,989
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	
19.598,940	116.565,220
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	
466,944,344	1.111,403,567
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	
376,138,000	1.737,306,000
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh	
6.172,467,000	4.564,778,000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	
-	932,405,000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	
580,330,000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	
-	1.962,397,339
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	
17.930,000	1.142,845,000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	
-	11,474,100
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	
710,969,400	5.201,895,000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lại	
-	1.191,073,763
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	
3.087,683,548	11.822,691,914
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	
-	4.991,525,356
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	
126,000,000	1.775,968,772
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Xây dựng Hưng Thành Phát	
2.961,683,548	6.198,042,786
Các nhà cung cấp khác	
11.432.061,232	29.794.834,903

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Phải nộp	Phải nộp	Phải thu
3.409,178,100	3.904,320,661	-
<i>Thuế GTGT hàng bán nội địa</i>		-
1.202,993,943	3.993,680,577	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		-
72.090,638	8.670,322	499,264
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		-
-	(579,607,766)	-
<i>Thuế nhà đất</i>		-
-	(379,705,900)	-
<i>Các loại thuế khác</i>		-
-	(5.700,000)	-
300,000	6.000,000	-
<i>Cung cấp nước sạch</i>		5%
<i>Các dịch vụ khác</i>		10%
4.680,891,321	7.906,671,560	499,264
2.209,142,514	(13,126,786,389)	-
18,561,209,878	(13,126,786,389)	-

*Thuế giá trị gia tăng*

Nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ cung cấp cho các hãng tàu nước ngoài

Cung cấp nước sạch

Các dịch vụ khác

15/11/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CANG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Nhóm công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được tính bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
834.750.000	617.850.000
<b>Phải trả các bên liên quan - chi phí bóc xếp giao nhận</b>	
45.500.000	117.750.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh
789.250.000	427.200.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lại
-	38.700.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	34.200.000
369.227.569	579.360.513
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	
6.800.000	131.170.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	
<b>Cộng</b>	<b>1.197.210.513</b>

**15. Phải trả khác**

**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

Số cuối năm	Số đầu năm
38.395.324.000	1.082.782.468
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	
-	918.832.468
Thủ lao HDQT, BKS	163.950.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Cổ tức phải trả	19.175.574.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Văn tại Xếp dỡ Tân Cảng - Cổ tức phải trả	2.722.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thành niên xung phong - Cổ tức phải trả	16.497.250.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>44.239.086.433</b>
62.868.236	7.660.599.226
Kinh phí công đoàn	60.414.923
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.125.688
375.750.000	375.750.000
Nhân kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.692.548.275
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.512.627.847
Các khoản chi hộ phải trả	16.132.493
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	
<b>Cộng</b>	<b>82.634.410.433</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CANG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CẢO TÀI CHINH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**15b. Phải trả dài hạn khác**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
444.347.596	923.411.356
172.109.361	411.640.616
<b>616.456.957</b>	<b>1.335.051.972</b>

Công đoàn Cơ sở Cơ quan Lực lượng thanh niên xung phong<sup>(i)</sup>

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Nguyễn Thành Lê<sup>(iii)</sup>

(i) Khoản phải trả về hợp tác kinh doanh xe vận tải với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà theo hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 11/HĐHT/CIL-LH ngày 21 tháng 09 năm 2015 đầu tư mua xe đầu kéo về khai thác. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà đầu tư mua 02 xe đầu kéo Hyundai HD700 đã qua sử dụng để làm xe kinh doanh vận tải hàng hóa Container cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lại khai thác. Theo phụ lục hợp đồng số 04 ngày 29 tháng 12 năm 2017, hai bên thông nhất thời gian hợp tác kinh doanh là 08 năm kể từ tháng 10 năm 2015. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020, theo Phụ lục số 06, Công đoàn Cơ sở Cơ quan Lực lượng Thanh niên Xung phong kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 11/HĐHT/CIL-LH từ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà.

(ii) Khoản phải trả về hợp tác kinh doanh xe vận tải với Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Nguyễn Thành Lê theo hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 12/HĐHT/CIL-NTL ngày 29 tháng 09 năm 2015 đầu tư mua xe đầu kéo về khai thác. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Nguyễn Thành Lê đầu tư mua 01 xe đầu kéo Hyundai HD700 đã qua sử dụng để làm xe kinh doanh vận tải hàng hóa Container cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lại khai thác. Theo phụ lục hợp đồng số 04 ngày 29 tháng 12 năm 2017, hai bên thông nhất thời gian hợp tác kinh doanh là 08 năm kể từ tháng 10 năm 2015.

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**16. Vay**

**16a. Vay ngắn hạn**

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	2.106.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	-
Số tiền vay đã trả	(1.320.000.000)
Số cuối kỳ	<b>786.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CANG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lai, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**16b. Vay dài hạn**

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 5006.16.110.2421850.TD ký ngày 19 tháng 5 năm 2016 để thanh toán tiền mua 01 cầu Kalmar (RTG 6+1). Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 2023.17.110.2421850.TD ngày 09 tháng 3 năm 2017 để thanh toán tiền mua phương tiện vận tải. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	Số cuối kỳ
2.106.000.000	786.000.000
-	-
<b>2.106.000.000</b>	<b>786.000.000</b>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

**16c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Nhóm Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
4.738.346.407	616.897.973	(3.789.583.748)	1.066.350.997
927.788.641	-	(731.500.000)	695.598.276
23.376.134	2.636.649.366	(2.655.165.618)	4.859.882
<b>5.689.511.182</b>	<b>3.253.547.339</b>	<b>(7.176.249.366)</b>	<b>1.766.809.155</b>

Quỹ khen thưởng  
Quỹ phúc lợi  
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	340.000.000.000	60.123.448.000	102.831.895.581	109.100.205.315	19.643.184.330	631.698.733.226
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	48.324.666.836	1.204.429.564	49.529.096.400
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(74.800.000.000)	-	(74.800.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước tại Công ty mẹ	-	-	-	(74.800.000.000)	-	(74.800.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước tại Công ty con	-	-	-	-	(1.920.000.000)	(1.920.000.000)
Công ty con trích quỹ trong kỳ trước	-	-	456.488.870	(760.814.781)	(256.274.454)	(560.600.365)
Công ty mẹ trích quỹ hoạt động Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(348.639.093)	-	(348.639.093)
Tăng giảm do hợp nhất	-	-	-	4.342.857	3.657.143	8.000.000
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>340.000.000.000</b>	<b>60.123.448.000</b>	<b>103.288.384.451</b>	<b>81.519.761.134</b>	<b>18.674.996.583</b>	<b>603.606.590.168</b>
Số dư đầu năm nay	340.000.000.000	60.123.448.000	103.288.384.450	124.336.594.522	19.350.637.033	647.099.064.005
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	42.037.445.779	(1.075.485.362)	40.961.960.417
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước tại Công ty mẹ	-	-	-	(74.800.000.000)	-	(74.800.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước tại Công ty con	-	-	-	-	(1.280.000.000)	(1.280.000.000)
Công ty con trích quỹ trong kỳ này	-	-	334.887.471	(669.774.942)	(282.010.502)	(616.897.973)
Công ty mẹ trích quỹ hoạt động Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(2.636.649.366)	-	(2.636.649.366)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>340.000.000.000</b>	<b>60.123.448.000</b>	<b>103.623.271.921</b>	<b>88.267.615.993</b>	<b>16.713.141.169</b>	<b>608.727.477.083</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

11/27/21 10:30:13 AM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Số đầu năm		Số cuối kỳ	
162.149.200.000	162.149.200.000	162.149.200.000	162.149.200.000
Vốn đầu tư của Nhà nước			
Trong đó:			
87.161.700.000	87.161.700.000	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn			
74.987.500.000	74.987.500.000	74.987.500.000	74.987.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thành niên xung phong			
177.850.800.000	177.850.800.000	177.850.800.000	177.850.800.000
Vốn góp của các cổ đông khác			
60.123.448.000	60.123.448.000	60.123.448.000	60.123.448.000
Thặng dư vốn cổ phần			
400.123.448.000	400.123.448.000	400.123.448.000	400.123.448.000

**18c. Cổ phiếu**

Số đầu năm		Số cuối kỳ	
34.000.000	34.000.000	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành			
34.000.000	34.000.000	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành			
34.000.000	34.000.000	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang mua lại			
34.000.000	34.000.000	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành			
34.000.000	34.000.000	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.			

**18d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 14/NQ-BHĐCB/CLL ngày 21 tháng 6 năm 2021 như sau:

74.800.000.000	:	74.800.000.000
2.636.649.366	:	2.636.649.366
VND		

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 3.693,16 USD (số đầu năm là 3.699,76 USD).





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	73.250.000.000	71.750.000.000
Doanh thu dịch vụ vận tải	38.681.615.998	60.411.623.839
Doanh thu cho thuê bãi	73.250.000.000	71.750.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	13.889.475.000	19.959.500.000
Doanh thu dịch vụ khác	10.058.787.362	8.014.174.806
Doanh thu bán hàng hóa	9.036.947	3.690.545
<b>Cộng</b>	<b>135.888.915.307</b>	<b>160.138.989.190</b>

### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

sau:

Công ty phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như

#### Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</b>	<b>40.852.827.216</b>	<b>49.058.107.615</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	73.250.000.000	71.750.000.000
Doanh thu cho thuê bãi	13.889.475.000	14.620.500.000
Doanh thu dịch vụ khác	10.058.787.362	8.014.174.806
<b>Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh</b>	<b>173.850.000</b>	<b>334.600.000</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	173.850.000	334.600.000

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cho thuê cảng biển	21.462.749.117	19.399.243.880
Giá vốn dịch vụ vận tải	37.691.310.939	59.228.294.773
Giá vốn dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	11.942.289.281	11.538.144.382
Giá vốn dịch vụ khác	9.740.450.242	7.309.315.693
Giá vốn hàng hóa đã bán	8.619.793	3.544.801
<b>Cộng</b>	<b>80.845.419.372</b>	<b>97.478.543.529</b>

#### Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.370.016.035	5.542.960.659
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	209
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.979.712
<b>Cộng</b>	<b>3.370.016.035</b>	<b>5.544.940.580</b>

#### Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	52.444.336	642.692.344
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	163.893	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	258.042	-
<b>Cộng</b>	<b>52.866.271</b>	<b>642.692.344</b>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.376.912.773	5.915.846.243
Chi phí vật liệu quản lý	78.942.817	83.144.611
Chi phí đồ dùng văn phòng	170.178.728	369.601.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.129.254	166.129.254
Thuế, phí và lệ phí	8.627.386	48.175.205
Dự phòng phải thu khó đòi	11.811.925	39.294.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	747.159.288	720.508.239
Các chi phí khác	2.011.600.172	1.604.878.713
<b>Cộng</b>	<b>9.571.362.343</b>	<b>8.947.578.575</b>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

**6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.037.445.779	48.324.666.836
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.101.872.289)	(2.416.233.342)
Quỹ khen thưởng ban điều hành	(2.636.649.366)	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	37.298.924.124	45.908.433.494
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	34.000.000	34.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.097</b>	<b>1.350</b>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (\*)

Quỹ khen thưởng ban điều hành

Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ

thông đang lưu hành trong năm

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này được tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế, căn cứ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-DHĐCB/CLL ngày 19 tháng 6 năm 2020.

**6b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẮT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối lý này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.366.775.543	8.290.158.544
Chi phí nhân công	15.132.064.897	16.200.816.337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.904.869.804	24.281.544.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.918.909.720	45.192.647.901
Chi phí khác	12.094.161.751	12.460.954.978
<b>Cộng</b>	<b>90.416.781.715</b>	<b>106.426.122.104</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mất thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Chiếm vụ Tiền lương Thu lao Công thu nhập

Kỳ này	Hội đồng quản trị	Nguyễn Phương Nam	Chủ tịch	558.178.069	60.000.000	618.178.069
	Phó Chủ tịch	Lê Thành Khoa	558.178.069	60.000.000 <td>618.178.069 <td></td> </td>	618.178.069 <td></td>	
	Lê Chí Đăng	Thành viên/Giám đốc	225.850.000	36.000.000 <td>997.733.815 <td></td> </td>	997.733.815 <td></td>	
	Phạm Hữu Đào	Thành viên/ Phó Giám đốc	172.969.800	36.000.000 <td>885.653.615 <td></td> </td>	885.653.615 <td></td>	
	Nguyễn Huỳnh Mai	Thành viên	458.589.561	36.000.000 <td>494.589.561</td> <td></td>	494.589.561	
	Nguyễn Châu Bảo	Thành viên	458.589.561	36.000.000 <td>494.589.561</td> <td></td>	494.589.561	
	Ban kiểm soát		-	36.000.000 <td>494.589.561</td> <td></td>	494.589.561	
	Đỗ Thanh Thành	Trưởng ban	83.530.224	30.000.000 <td>113.530.224</td> <td></td>	113.530.224	
	Nguyễn Quốc Phước Sơn	Ủy viên	73.088.946	27.000.000 <td>100.088.946</td> <td></td>	100.088.946	
	Nguyễn Xuân Vinh	Ủy viên	73.088.946	27.000.000 <td>100.088.946</td> <td></td>	100.088.946	
	Ban Giám đốc		-	27.000.000 <td>100.088.946</td> <td></td>	100.088.946	
	Nguyễn Việt Trường	Kế toán trưởng	153.881.346	428.970.828	582.852.174	
	Cộng		552.701.146	4.104.781.834	348.000.000	5.005.482.980



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lai, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chức vụ      Tiền lương      Thương      Thủ lao      Công thu nhập

Kỳ trước	Hội đồng quản trị	Nguyễn Phương Nam	Chủ tịch	-	116.653.317	60.000.000	176.653.317
Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	(đến tháng 4/2019)	-	-	58.326.657	-	58.326.657
Lê Thành Khoa	Phó chủ tịch	-	-	-	174.979.975	60.000.000	234.979.975
Lê Chí Đăng	Thành viên/Giám đốc	222.371.471	334.143.120	36.000.000	592.514.591	-	53.321.560
Lâm Văn Tuấn	Thành viên/Giám đốc	(đến tháng 4/2019)	-	-	53.321.560	-	53.321.560
Phạm Hiếu Đào	Thành viên/Phó giám đốc	177.547.655	274.943.120	36.000.000	488.490.775	-	180.949.385
Nguyễn Huỳnh Mai	Thành viên	-	144.949.385	36.000.000	180.949.385	-	180.949.385
Nguyễn Châu Bảo	Thành viên	-	144.949.385	36.000.000	180.949.385	-	74.569.465
Lê Thanh Sơn	Thành viên/Kê toán trưởng	(đến tháng 11/2019)	-	-	74.569.465	-	74.569.465
Ban kiểm soát	Trưởng ban	-	75.223.238	30.000.000	105.223.238	-	26.164.605
Đỗ Thanh Thành	Trưởng ban	-	26.164.605	-	26.164.605	-	95.682.087
Vũ Thị Lan Anh	Trưởng ban	(đến tháng 4/2019)	-	-	26.164.605	-	27.000.000
Nguyễn Quang Phước Sơn	Ủy viên	-	68.682.087	27.000.000	95.682.087	-	72.788.058
Nguyễn Xuân Vinh	Ủy viên	-	45.788.058	27.000.000	72.788.058	-	12.141.660
Ban Giám đốc	Phó giám đốc	(đến tháng 4/2019)	-	-	12.141.660	-	151.966.066
Nguyễn Đình Thi	Kê toán trưởng	-	151.966.066	156.535.415	308.501.481	-	348.000.000
Nguyễn Việt Trường	Kê toán trưởng	-	551.885.192	1.761.371.047	2.661.256.239	-	551.885.192

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

**Bên liên quan khác**

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thành niên Xung phong	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh
Cửa cổ đông sáng lập	Cửa cổ đông sáng lập	Cửa cổ đông sáng lập	Cửa cổ đông sáng lập	Cửa cổ đông sáng lập	Cửa cổ đông sáng lập	Cửa cổ đông sáng lập	Cửa cổ đông sáng lập	Cửa cổ đông sáng lập	Cửa cổ đông sáng lập
Bên liên quan	Bên liên quan	Bên liên quan	Bên liên quan	Bên liên quan	Bên liên quan	Bên liên quan	Bên liên quan	Bên liên quan	Bên liên quan

**Mối quan hệ**





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực dịch vụ vận tải	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	73.250.000.000	38.681.615.998	13.889.475.000	10.067.824.309	135.888.915.307
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>73.250.000.000</b>	<b>38.681.615.998</b>	<b>13.889.475.000</b>	<b>10.067.824.309</b>	<b>135.888.915.307</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	51.787.250.883	990.305.059	1.947.185.719	318.754.274	55.043.495.935
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(9.571.362.343)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					45.472.133.592
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					2.456.258.578
Doanh thu hoạt động tài chính					3.370.016.035
Chi phí tài chính					(52.866.271)
Thu nhập khác					1
Chi phí khác					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(10.283.581.518)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>40.961.960.417</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	-	-	-	-	-
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>19.665.371.460</b>	<b>7.078.280.718</b>	<b>6.491.754.486</b>	-	<b>33.357.854.388</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ trước	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực dịch vụ vận tải	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	71.750.000.000	60.411.623.839	19.959.500.000	8.017.865.351	160.138.989.190
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>71.750.000.000</b>	<b>60.411.623.839</b>	<b>19.959.500.000</b>	<b>8.017.865.351</b>	<b>160.138.989.190</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	52.350.756.120	1.183.329.066	8.421.355.618	705.004.857	62.660.445.661
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(8.947.578.575)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					53.712.867.086
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					2.698.554.142
Doanh thu hoạt động tài chính					5.544.940.580
Chi phí tài chính					(642.692.344)
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(11.784.573.064)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>49.529.096.400</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.029.600.000</b>	<b>22.029.600.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>12.556.888.848</b>	<b>7.364.004.464</b>	<b>6.512.332.826</b>	<b>122.447.724</b>	<b>26.555.673.862</b>

11.11.2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

Số cuối kỳ	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực dịch vụ vận tải	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	200.066.976.927	107.448.245.421	82.916.719.179	59.612.479.786	450.044.421.313
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	266.930.174.739
<b>Tổng tài sản</b>					<b><u>716.974.596.052</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	126.000.000	9.857.527.552	570.054.344	878.479.336	11.432.061.232
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	96.815.057.737
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b><u>108.247.118.969</u></b>
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	183.275.840.248	71.336.682.445	70.385.522.839	1.457.923.320	326.455.968.852
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	379.199.699.693
<b>Tổng tài sản</b>					<b><u>705.655.668.545</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.144.996.458	20.107.680.716	1.775.968.772	1.872.188.957	31.900.834.903
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	26.655.769.637
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b><u>58.556.604.540</u></b>



**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

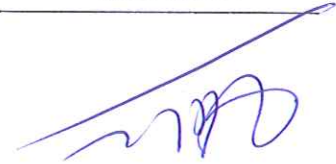
Hoạt động của nhóm Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực nội địa.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trong yêu cầu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Trường

Giám đốc

Lê Chí Bằng

